

Số: 30 /BC-QLQ-KTNB

No: 30 /BC-QLQ-KTNB

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Hà Nội, day 29 month 07 year 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(6 tháng đầu năm 2026)
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(first 6 months of year 2026)

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước//The State Securities Commission

Tên công ty/Name of the Company : Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (“Công ty Quản lý quỹ VietinBank”)
Vietinbank Fund Management Company Limited
Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
2th Floor, Buildings 304 and 306 Ba Trieu, Hai Ba Trung, Hanoi City

Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice : 024 3938 8855

Điện thoại/Telephone : 024 3938 8500

Fax : capital@vietinbankcapital.vn

Email : 300 tỷ đồng/300 Billion VND

Vốn điều lệ/Charter capital : Không có/None

Mã chứng khoán/Stock symbol : Công ty TNHH một thành viên do tổ chức là chủ sở hữu được tổ chức và quản lý theo mô hình: Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.
A single-member limited liability company owned by an organization is organized and managed under the following governance model: the Council of Members, Chief Executive Officer (CEO), and the Board of Supervisors.

Mô hình quản trị công ty/Governance model : Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/The implementation of internal audit : Đã thực hiện/Implemented



[Handwritten signature]

**I. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN/ COUNCIL OF MEMBERS/
AUTHORIZED CAPITAL REPRESENTATIVE**

**1. Thông tin về Hội đồng thành viên/Người đại diện vốn/Information on Members'
Council/Authorized Capital Representative**

Stt No	Hội đồng thành viên/Người đại diện vốn/ <i>Members' Council/ Authorized Capital Representative</i>	Chức vụ/Position	Ngày bắt đầu/không còn là Người đại diện vốn <i>Onboarding/Offboarding date</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Bùi Thu Trang <i>Ms. Bui Thu Trang</i>	Chủ tịch Hội đồng thành viên/Người đại diện 40% vốn góp của Chủ sở hữu <i>Chairperson of the Members' Council/ Authorized Representative of 40% of the Owner's Contributed Capital</i>	18/07/2025	
2	Nguyễn Hồng Đức <i>Mr. Nguyen Hong Duc</i>	Thành viên Hội đồng thành viên/Người đại diện 30% vốn góp của Chủ sở hữu <i>Member of the Members' Council/Authorized Representative of 30% of the Owner's Contributed Capital</i>	01/01/2026	
3	Đoàn Ngọc Đoan <i>Mr. Doan Ngoc Doan</i>	Thành viên Hội đồng thành viên/Người đại diện 30% vốn góp của Chủ sở hữu <i>Member of the Members' Council/Authorized Representative of 30% of the Owner's Contributed Capital</i>	19/08/2021	
4	Phan Hải Sâm <i>Ms. Phan Hai Sam</i>	Thành viên Hội đồng thành viên/Người đại diện 30% vốn góp của Chủ sở hữu <i>Member of the Members' Council/Authorized Representative of 30% of the Owner's Contributed Capital</i>	01/10/2025	01/01/2026

2. Các cuộc họp Hội đồng thành viên/Người đại diện vốn/Meetings of Members' Council/Authorized Capital Representative:

Stt No	Thành viên HĐQT <i>Member of the Members' Council</i>	Số buổi họp HĐTV tham dự/Number of meetings attended by members of the Members' Council	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1.	Bùi Thu Trang/Ms. Bui Thu Trang	10/10	100%	
2.	Nguyễn Hồng Đức/Mr. Nguyen Hong Duc	10/10	100%	
3.	Đoàn Ngọc Đoàn/Mr. Doan Ngoc Doan	10/10	100%	

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng thành viên/Người đại diện đối với Ban điều hành/Supervision the Members' Council/Authorized Representative over Board of Directors:

Người đại diện vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại Công ty quản lý Quỹ kiêm nhiệm là Tổng Giám đốc Công ty điều hành hoạt động của Công ty, do đó hoạt động giám sát của Hội đồng thành viên/Người đại diện đối với Ban điều hành Công ty được thực hiện thường xuyên./ The authorized capital representative of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade at the Fund Management Company concurrently serves as the Company's CEO and is responsible for its operations; therefore, the supervisory activities of Members' Council/Authorized Representative over Board of Directors is conducted on a regular basis.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng thành viên (nếu có)/Activities of subcommittees of Members' Council (if any): Không có/None

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng thành viên/Người đại diện vốn/Resolutions/Decisions of Members' Council/Authorized Representative: Chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm/Details in attached Appendix 01.

II. KIỂM SOÁT VIÊN/SUPERVISORS

1. Thông tin về Kiểm soát viên/Information about Supervisors

Thông tin về Kiểm soát viên tại Công ty Quản lý quỹ Vietinbank như sau/Information on the Supervisors at VietinBank Fund Management Company is as follows:

Stt No	Kiểm soát viên Supervisors	Chức vụ Posiotion	Trình độ chuyên môn Qualifications	Ngày bắt đầu/không còn là Kiểm soát viên Onboarding/Offboarding date		
				Ngày bổ	Ngày thôi	Nhiệm kỳ

				nhiệm Onboarding date	không là KSV Offboarding date	Tenure
1	Nguyễn Thị Ngọc Lan Ms. Nguyen Thi Ngoc Lan	Trưởng Ban Kiểm soát <i>Head of Supervisory Board</i>	Cử nhân kinh tế, Cử nhân luật kinh tế <i>Bachelor of Economics, Bachelor of Economic Law</i>	15/11/2025		05 năm kể từ ngày 15/11/2025 <i>05 years from 15/11/2025</i>

2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát: Do Công ty chỉ có một Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban Kiểm soát nên các nội dung cần trao đổi trong quá trình kiểm soát hoạt động của Công ty được Kiểm soát viên thực hiện trực tiếp với Hội đồng thành viên và Ban điều hành Công ty./ *As the Company has only one Supervisors, who concurrently serves as the Head of the Supervisory Board, matters requiring discussion in the course of supervising the Company's operations are addressed directly by the Supervisors with the Members' Council and Board of Directors.*

3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban điều hành/Supervising Members' Council, Board of Directors by Board of Supervisors:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Kiểm soát viên thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của HĐQT và Ban điều hành công ty trong tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty; thực hiện kiểm soát hoạt động nghiệp vụ kinh doanh của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty./ *in the first 6 months of year 2026, the Supervisor regularly reviewed the legality, integrity, and prudence of the Members' Council and Board of Directors in implementing the decisions in managing and operating the Company's business activities. The Supervisors also carried out supervision of the Company's professional operations in full compliance with applicable laws, the Company's Charter, and internal regulations.*

Thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm soát viên theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định tại điều lệ công ty, Kiểm soát viên đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính năm 2025. Thông qua thẩm định, Kiểm soát viên đánh giá báo cáo phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty./ *In performing the duties and responsibilities of the Supervisor in accordance with current legal regulations and the provisions of the Company's Charter, the Supervisor conducted a review of the Company's financial statements for 2025. Based on this review, the Supervisor concluded that the financial statements fairly and reasonably present, in all material respects, the Company's financial position.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Kiểm soát viên đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among Supervisors, Members' Council, Board of Directors and other managers*: Hội đồng thành viên, Ban điều hành và Ban Kiểm soát có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành./*The Members' Council, the Board of Directors and the Board of Supervisors maintain close and regular coordination in exercising their respective rights and duties in accordance with the Company's Charter and applicable laws.*

5. Hoạt động khác của Kiểm soát viên (nếu có)/*Other activities of Boards of Supervisors (if any)*: Không/None

III. BAN ĐIỀU HÀNH/EXECUTIVE BOARD

Thông tin về các thành viên trong Ban điều hành tại Công ty Quản lý quỹ Vietinbank cụ thể như sau/*Information on Members of Board of Directors at VietinBank Fund Management Company are as follows:*

STT No	Thành viên Ban điều hành <i>Members of Board of Directors</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualifications</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment/dismissal of members of the Board of Management</i>	
				Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Nguyễn Hồng Đức <i>Mr. Nguyen Hong Duc</i>	28/12/1972	Thạc sỹ <i>Master</i>	05 năm kể từ ngày 15/01/2025 <i>05 years from 15/01/2025</i>	
2	Phan Hải Sâm <i>Ms. Phan Hai Sam</i>	23/03/1975	Thạc sỹ <i>Master</i>	05 năm kể từ ngày 30/03/2022 <i>05 years from 30/03/2022</i>	

IV. KẾ TOÁN TRƯỞNG//CHIEF ACCOUNTANT

Họ và tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualifications</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>	Nhiệm kỳ <i>Tenure</i>
Trần Mạnh Tiến <i>Mr. Tran Manh Tien</i>	Trưởng Phòng KT/Phụ trách KT Chief Accountant/ Accounting Officer	03/07/1981	Đại học <i>Bachelor</i>	28/04/2025		05 năm <i>05 years</i>

V. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY/TRAINING COURSES ON CORPORATE GOVERNANCE:

Tham gia các khóa học chuyên ngành về chứng khoán, quản lý quỹ, các khóa học chứng chỉ chuyên môn để được cấp chứng chỉ hành nghề do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán UBCKNN tổ chức./*Participation in specialized training courses in securities and fund management, as well as professional certification programs leading to the issuance of practicing certificates organized by the Securities Science Research and Training Center of the State Securities Commission.*

Tự nghiên cứu, đào tạo các kiến thức, kỹ năng về quản trị Công ty trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực từ 01/01/2021, Thông tư 99/2020/TT-BTC, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn có liên quan./ *Self-study and training in corporate governance knowledge and skills based on the provisions of the Law on Enterprises 2020, the Law on Securities 2019 (effective from 1 January 2021), Circular No. 99/2020/TT-BTC, Circular No. 98/2020/TT-BTC, and other relevant guiding documents.*

VI. DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY VÀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY AND TRANSACTIONS WITH AFFILIATED PERSONS

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the company: Thông tin chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm Báo cáo này./Detailed information is provided in Appendix 02 attached to this Report.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/*Transactions between the company and affiliated persons; or company and major shareholders, insiders, related persons of insiders: Thông tin chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm Báo cáo này./Detailed information is provided in Appendix 03 attached to this Report.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transactions between insiders and their related persons with subsidiaries and companies under company's control: Không có/None*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between company and other parties: Không có/None*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)./*Transactions between the company and companies in which members*

of the Board of Directors, members of Board of Supervisors, the Director (General Director), and other managers have been or are founding members, or have served or are serving as members of the Board of Directors or as Director (General Director) within the past three (03) years (as at the reporting date).

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành./Transactions between company and companies in which related persons of members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the Director (General Director), and other managers serve as members of the Board of Directors or as Director (General Director).

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác./Other transactions of the Company (if any) that may provide material or non-material benefits to members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the Director (General Director), and other managers.

VII. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (BÁO CÁO NĂM)/ SHARE TRANSACTIONS BETWEEN INSIDERS AND THEIR RELATED PERSONS (REPORT OF YEAR)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ./The list of insiders and their related persons: Thông tin chi tiết tại Phụ lục 04 đính kèm Báo cáo này./Detailed information is provided in Appendix 04 attached to this Report.
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty./Share transactions between insiders and their related persons: Không/None

VIII. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC/OTHER SIGNIFICANT ISSUES: Không/None

Nơi nhận:

Recipients:

- Như đề gửi;
- Lưu: TCHC, KSNB

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHAIRPERSON OF THE MEMBERS'
COUNCIL**



BÙI THU TRANG

[Handwritten signature]

PHỤ LỤC 01/APPENDIX 01

DANH SÁCH NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH/BIÊN BẢN HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
LIST OF RESOLUTIONS/DECISIONS/MINUTES OF MEETINGS OF THE MEMBERS' COUNCIL

Stt No	Số Nghị quyết/ Quyết định/Biên bản họp <i>Resolution/Decision/ Minutes of Meeting No.</i>	Ngày/Date	Nội dung/Content	Tỷ lệ thông qua/ Approve rate
1.	Biên bản họp <i>Minutes of meetings</i>	05/01/2026	Biên bản họp HĐQTV ngày 05/01/2026 Về việc ban hành “Quy định Phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt/ <i>Minutes of the Members' Council Meeting dated 05 January 2026 on the issuance of the Regulations on Anti-Money Laundering, Counter-Terrorist Financing and Counter-Proliferation Financing of Weapons of Mass Destruction.</i>	100%
2.	Biên bản họp <i>Minutes of meetings</i>	09/02/2026	Biên bản họp HĐQTV ngày 09/02/2026 về việc thông qua nội dung Quy định chi trả tiền lương đối với người lao động, chi trả tiền lương, thù lao đối với người quản lý Công ty Quản lý quỹ VietinBank/ <i>Minutes of the Members' Council Meeting dated 09 February 2026 approving the Regulations on Salary Payment for Employees and Salary and Remuneration Payment for Managers of VietinBank Fund Management Company Limited.</i>	100%

3.	Biên bản họp <i>Minutes of meetings</i>	25/02/2026	Biên bản họp HĐQTV ngày 25/02/2026 về việc thông qua Báo cáo kiểm toán nội bộ về hoạt động Phòng, chống rửa tiền năm 2025/ <i>Minutes of the Members' Council Meeting dated 25 February 2026 approving the Internal Audit Report on Anti-Money Laundering Activities for 2025.</i>	100%
4.	Biên bản họp <i>Minutes of meetings</i>	26/02/2026	Biên bản họp HĐQTV ngày 26/02/2026 về việc thông qua Báo cáo Kiểm toán nội bộ năm 2025/ <i>Minutes of the Members' Council Meeting dated 26 February 2026 approving the 2025 Internal Audit Report.</i>	100%
5.	Biên bản họp <i>Minutes of meetings</i>	10/03/2026	Biên bản họp HĐQTV ngày 10/03/2026 về việc thông qua mức thù lao cho người quản lý không chuyên trách năm 2025/ <i>Minutes of the Members' Council Meeting dated 10 March 2026 approving the remuneration for part-time managers for 2025.</i>	100%
6.	Biên bản họp <i>Minutes of meetings</i>	22/04/2026	Biên bản họp HĐQTV ngày 22/04/2026 Về việc giao nhiệm vụ Phụ trách công tác kế toán của Công ty cho Ông Trần Mạnh Tiến, Trưởng Phòng Kế toán tài chính/ <i>Minutes of the Members' Council Meeting dated 22 April 2026 assigning Mr. Trần Mạnh Tiến, Head of the Finance and Accounting Department, to take charge of the Company's accounting functions.</i>	100%
7.	Biên bản họp <i>Minutes of meetings</i>	12/05/2026	Biên bản họp HĐQTV ngày 12/05/2026 về việc phê duyệt Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc của Công ty Quản lý quỹ VietinBank/ <i>Minutes of the Members' Council Meeting dated 12 May 2026 approving the Grassroots Democracy Regulations at the Workplace of VietinBank Fund Management Company Limited.</i>	100%
8.	Biên bản họp <i>Minutes of meetings</i>	31/5/2026	Biên bản họp HĐQTV ngày 31/5/2026 ban hành Quy chế chi hợp tác phát triển khách hàng tại Công ty/ <i>Minutes of the Members' Council Meeting dated 31 May 2026 issuing the Regulations on Customer Development Cooperation Expenses of the Company.</i>	100%
9.	Biên bản họp <i>Minutes of meetings</i>	23/06/2026	Biên bản họp HĐQTV, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát ngày 23/06/2026 về việc bán Chứng chỉ tiền gửi VietCredit/ <i>Minutes of the Joint Meeting of the Members' Council, the General Director and the</i>	100%

			<i>Supervisory Board dated 23 June 2026 regarding the sale of VietCredit Certificates of Deposit.</i>	
10.	Biên bản họp <i>Minutes of meetings</i>	30/6/2026	Biên bản họp HĐQT ngày 30/6/2026 về việc Hạch toán tạm trích quỹ tiền lương 6 tháng đầu năm 2026/ <i>Minutes of the Members' Council Meeting dated 30 June 2026 approving the provisional accounting for the salary fund accrual for the first six months of 2026.</i>	100%

Handwritten signature

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
VIETINBANK FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

PHỤ LỤC 02/APPENDIX 02
DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VIETINBANK
LIST OF RELATED PARTIES OF VIETINBANK FUND MANAGEMENT COMPANY

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
I	Người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, người nội bộ, kiểm soát viên Company managers, legal representatives, internal persons, and supervisors								
1.	Bùi Thu Trang Ms. Bui Thu Trang		Chủ tịch Hội đồng thành viên – Người đại diện theo pháp luật (Người đại diện vốn) Chairperson of the Members' Council – Legal	001186004605	Tòa nhà 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội 108 Tran Hung Dao Building, Cua Nam Ward, Hanoi City	18/07/2025			Người nội bộ - Chủ tịch Hội đồng thành viên - người đại diện theo pháp luật của Công ty (theo quy định tại khoản 45, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2020) Internal person – Chairman of

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
			Representative (Authorized Capital Representative)						the Members' Council – Legal Representative of the Company (pursuant to Clauses 45, 46 Article 4 of the Law on Securities 2020)
2.	Nguyễn Hồng Đức Mr. Nguyen Hong Duc		- Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Quyền Tổng Giám đốc (Người đại diện vốn) (từ 15/01/2025 đến 01/10/2025); Member of the Members' Council cum General Director (Authorized Capital Representative (from 15/01/2025 to 01/10/2025)	001072005609	P. Đồng Đa, TP Hà Nội Dong Da Ward, Hanoi City	15/01/2025			Người nội bộ - thành viên Hội đồng thành viên - Quyền Tổng giám đốc (từ 15/01/2025 đến 01/10/2025) Internal person – Member of the Members' Council – Acting General Director (from 15/01/2025 to 01/10/2025) - Phó Tổng Giám đốc (từ 01/10/2025 đến 31/12/2025) Deputy General Director –

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
			- Phó Tổng Giám đốc (từ 01/10/2025 đến 31/12/2025) Deputy General Director – Authorized Information Disclosure Officer (from 01/10/2025 to 31/12/2025)						Authorized Information Disclosure Officer (from 01/10/2025 to 31/12/2025) (theo quy định tại khoản 45, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2020) (pursuant to Clauses 45 and 46, Article 4 of the Law on Securities 2020)
3.	Đoàn Ngọc Doan Mr. Doan Ngoc Doan		Thành viên Hội đồng thành viên (Người đại diện vốn) Member of the Members' Council (Authorized Capital Representative)	001081008931	Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, Phường hai Bà Trưng, Hà Nội Hoang Thanh Building, 114 Mai Hac De Street, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam	19/08/2021			Người nội bộ - thành viên Hội đồng thành viên ((theo quy định tại khoản 45, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2020) Internal person – Member of the Members' Council (pursuant to Clauses 45 and 46, Article 4 of the Law on Securities 2020)

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
4.	Phan Hải Sâm Ms. Phan Hai Sam		Phó Tổng Giám đốc – Người được ủy quyền CBTT (từ 30/03/2022 đến 01/10/2025) Deputy General Director – Authorized Information Disclosure Officer (from 30/03/2022 to 01/10/2025) - Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc (Người đại diện vốn) (từ 01/10/2025 đến 31/12/2025); Member of the Members' Council cum General Director (Authorized Capital Representative (from 01/10/2025 to 31/12/2025)	033175008052	Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội Hai Ba Trưng Ward, Hanoi, Vietnam	30/03/2022			Người nội bộ Phó Tổng Giám đốc – Người được ủy quyền CBTT (từ 30/03/2022 đến 01/10/2025) Deputy General Director – Authorized Information Disclosure Officer (from 30/03/2022 to 01/10/2025) - Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc (Người đại diện vốn) (từ 01/10/2025 đến 31/12/2025); Member of the Members' Council cum General Director (Authorized Capital Representative (from 01/10/2025 to 31/12/2025)

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
			Representative (from 01/10/2025 to 31/12/2025)						(theo quy định tại khoản 45, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2020) (pursuant to Clauses 45 and 46, Article 4 of the Law on Securities 2020)
5.	Nguyễn Thị Ngọc Lan Ms. Nguyen Thi Ngoc Lan		Trưởng Ban Kiểm soát Head of the Supervisory Board	001184058372	Số 22, ngõ 268/100/8/Ngoc Thuy, phường Bồ Đề, Hà Nội No. 22, Alley 268/100/8, Ngoc Thuy Street, Bo De Ward, Hanoi	15/11/2025			
6.	Trần Mạnh Tiến Mr. Tran Manh Tien		Trưởng Phòng Kế toán Chief Accountant	034081002353	Phường Định Công, Hà Nội Dinh Cong Ward, Hanoi	28/04/2025			Người nội bộ - Phụ trách kế toán (theo quy định tại khoản 45, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2020) Internal person – Accounting Officer in charge (pursuant to

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
7.	Nguyễn Thị Mai Phuong Ms. Nguyen Thi Mai Phuong		Kiểm toán nội bộ Internal auditor	040186037711	Chung cư Việt Đức, Ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội Viet Duc Apartment Building, Alley 164 Khuat Duy Tien Street, Nhan Chinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi	12/04/2017			Clauses 45, 46 Article 4 of the Law on Securities 2020) Người nội bộ - Kiểm toán nội bộ (theo quy định tại khoản 45, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2020) Internal auditor (pursuant to Clauses 45, 46 Article 4 of the Law on Securities 2020
II	Người có liên quan là công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ Affiliated persons include the parent company, managers of the parent company, and persons having the authority to appoint managers of the parent company								
A	Người có liên quan là công ty mẹ The parent company								

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade			0100111948	108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội 108 Tran Hung Dao Street, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam	26/10/2010			Công ty mẹ Parent company
B	Người có liên quan là Thành viên HĐQT VietinBank Members of the Board of Directors of VietinBank								
1.	Trần Minh Bình Mr. Tran Minh Binh					8/12/2018			Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật của VietinBank – Người quản lý của công ty mẹ Chairman of the Board of Directors – Legal Representative of VietinBank – Manager of the parent company

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
2.	Nguyễn Trần Mạnh Trung Mr. Nguyen Tran Manh Trung					17/10/2024			TV HĐQT VietinBank – Tổng Giám đốc - Người quản lý công ty mẹ Member of the Board of Directors of VietinBank – General Director – Manager of the parent company
3.	Lê Thanh Tùng Mr. Le Thanh Tung					03/11/2021			TV HĐQT VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Member of the Board of Directors of VietinBank – Manager of the parent company
4.	Trần Văn Tấn Mr. Tran Van Tan					23/04/2019			TV HĐQT VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Member of the Board of Directors of VietinBank –

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									Manager of the parent company
5.	Nguyễn Thế Huân Mr. Nguyen The Huan					23/04/2019			TV HĐQT VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Member of the Board of Directors of VietinBank – Manager of the parent company
6.	Phạm Thị Thanh Hoài Ms Phan Thi Thanh Hoai					23/04/2019			TV HĐQT VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Member of the Board of Directors of VietinBank – Manager of the parent company
7.	Koji Iriguchi Mr. Koji Iriguchi					02/06/2023			TV HĐQT VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Member of the Board of Directors of VietinBank – Manager of the parent company

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
8.	Takeo Shimotsu Mr Takeo Shimotsu					27/04/2024			TV HĐQT VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Member of the Board of Directors of VietinBank – Manager of the parent company
9.	Cát Quang Dương Mr Cat Quang Duong					27/04/2024			TV độc lập HĐQT – VietinBank - Người quản lý công ty mẹ Independent Member of the Board of Directors of VietinBank - Manager of the parent company
10.	Nguyễn Việt Dũng Mr. Nguyen Viet Dung					17/10/2024	24/04/2026		TV HĐQT VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Member of the Board of Directors of VietinBank – Manager of the parent company

STT Số	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
11.	Ông Nguyễn Văn Anh Mr. Nguyen Van Anh					18/04/2025			TV độc lập HĐQT VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Independent Member of the Board of Directors of VietinBank – Manager of the parent company
12.	Bà Đặng Thị Việt Hà					01/06/2025			TV độc lập HĐQT VietinBank – Người quản lý công ty mẹ (từ 24/04/2026) Independent Member of the Board of Directors of VietinBank – Manager of the parent company PTGĐ VietinBank – Người quản lý công ty mẹ (từ 01/06/2025 đến 24/04/2026) Deputy General Director of Vietinabank – Manager of the

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									parent company (from 01/06/2025 to 24/04/2026)
C	Người có liên quan là Thành viên Ban Điều hành: Members of Board of Director								
1.	Nguyễn Trần Mạnh Trung Mr. Nguyen Tran Manh Trung					12/05/2022			TV HĐQT VietinBank – Tổng Giám đốc - Người quản lý công ty mẹ Member of the Board of Directors of VietinBank – General Director – Manager of the parent company
2.	Đỗ Thanh Sơn Mr. Do Thanh Son					11/10/2022			PTGD – Phụ trách Ban điều hành VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Deputy General Director of Vietinbank – Manager of the

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									parent company
3.	Ông Nguyễn Đức Thành Mr. Nguyen Duc Thanh					01/08/2012			PTGD VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Deputy General Director of Vietinabank – Manager of the parent company
4.	Lê Như Hoa Ms. Le Nhu Hoa					01/08/2016			PTGD VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Deputy General Director of Vietinabank – Manager of the parent company
5.	Trần Công Quỳnh Lân Mr. Tran Cong Quynh Lan					05/03/2015			PTGD VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Deputy General Director of Vietinabank – Manager of the parent company

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
6.	Lê Duy Hải Mr. Le Duy Hai					09/05/2022			PTGD VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Deputy General Director of Vietinabank – Manager of the parent company
7.	Dương Văn Quân Mr. Duong Van Quan					28/05/2025			PTGD VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Deputy General Director of Vietinabank – Manager of the parent company
8.	Nguyễn Bảo Thanh Vân Ms. Nguyen Bao Thanh Van					10/11/2021			PTGD VietinBank – Người quản lý công ty mẹ (từ 28/05/2025) Deputy General Director of Vietinabank – Manager of the parent company (from 28/05/2025)

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									Giám đốc Khối tài chính (từ 10/11/2021) Chief Financial Officer (from 10/11/2021)
9.	Nguyễn Việt Dũng					24/04/2026			PTGD VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Deputy General Director of Vietinbank – Manager of the parent company
10.	Nguyễn Thanh Tùng					01/07/2026			PTGD VietinBank – Người quản lý công ty mẹ Deputy General Director of Vietinbank – Manager of the parent company
11.	Nguyễn Hải Hưng Mr. Nguyen Hai Hung					01/06/2021			Kế toán trưởng Chief Accountant

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
III	Người có liên quan là các tổ chức, cá nhân chịu chung một sự kiểm soát Institutions and individuals subject to common control								
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam VietinBank Securities Joint Stock Company				Phường Xuân Đình, Hà Nội Xuan Dinh Ward, Hanoi	26/10/2010			Công ty con cùng Chủ sở hữu Subsidiaries under common ownership
2	Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Vietinbank Leasing Company Limited				16 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội 16 Phan Dinh Phung Street, Ba Dinh District, Hanoi	26/10/2010			Công ty con cùng Chủ sở hữu Subsidiaries under common ownership

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
3	Tổng công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Vietinbank Insurance Company Ltd				126 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội 126 Doi Can Street, Ba Dinh District, Hanoi	26/10/2010			Công ty con cùng Chủ sở hữu Subsidiaries under common ownership
4	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công thương VN Vietinbank AMC Limited				76 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Hồ Chí Minh 76 Nguyen Van Cu Street, Nguyen Cu Trinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City	26/10/2010			Công ty con cùng Chủ sở hữu Subsidiaries under common ownership
5	Công ty TNHH				Tòa nhà Hoàng Thành,	25/11/2010			Công ty con cùng Chủ sở hữu

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
	MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương VN Vietinbank Gold & Jewellery Limited				114 Mai Hắc Đế, Phường hai Bà Trưng, Hà Nội Hoang Thanh Building, 114 Mai Hắc Đế Street, Hai Ba Trưng Ward, Hanoi				Subsidiaries under common ownership
6	Công ty TNHH MTV Chuyển tiền toàn cầu VietinBank Vietinbank Money Transfer Limited				126 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội 126 Doi Can Street, Ba Dinh District, Hanoi	06/10/2011			Công ty con cùng Chủ sở hữu Subsidiaries under common ownership
7	Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào				Số 268 Lanxang, Bản Hattady, Quận Chanthabouly, Thủ đô	31/07/2015			Công ty con cùng Chủ sở hữu Subsidiaries under common ownership

STT No	Tên tổ chức/cá nhân Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Current position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH ID number., date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
	phiếu ngân hàng Công thương Việt Nam (VTBF) VietinBank Bond Investment Fund (VTBF)								Investment funds under the management of the Company
2	Quỹ đầu tư cân bằng VietinBank(VBIF) VietinBank Balanced Investment Fund (VBIF)					2026			Quỹ đầu tư do Công ty quản lý Investment funds under the management of the Company

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/Owner Identification No. *: Identity card/Passport No. (for individuals) or Enterprise registration certificate No., operating license, or other equivalent legal documents (for organizations)

PHỤ LỤC 03/APPENDIX 03
GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI NỘI BỘ
TRANSACTIONS BETWEEN COMPANY AND AFFILIATED PERSONS OR INSIDERS

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No., issuance date, issuance place	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters address/Contac t	Thời điểm giao dịch với công ty Transaction date	Số Nghị quyết/ Quyết định của Cấp có thẩm quyền thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution/Decision approved by GMS, BOD No. (if any, specifying issuance date)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Transaction content/volume/value of the transaction	Ghi chú Note
1.	Ngân hàng TNHH Indovina Indovina Bank Limited	Người có liên quan Related party	0300733752	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Ho Chi Minh City, Vietnam	26/06/2026		Thông qua hợp đồng mua bán chứng chỉ tiền gửi - Không cung cấp chi tiết giá trị giao dịch theo điều khoản Bảo mật thông tin Transaction conducted via a certificate of deposit purchase and sale agreement – Transaction value details are not disclosed in accordance with the Confidentiality Clause.	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No., issuance date, issuance place	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters address/Contact	Thời điểm giao dịch với công ty Transaction date	Số Nghị quyết/ Quyết định của Cấp có thẩm quyền thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution/Decision approved by GMS, BOD No. (if any, specifying issuance date)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Transaction content/volume/value of the transaction	Ghi chú Note
2.	Công ty Chứng khoán CTS/ VietinBank Securities Joint Stock Comp	Người có liên quan Related party	0101078450	Thành Hà Nội, Việt Nam Ha Noi City, Vietnam	27/01/2026		Thông qua hợp đồng thuê văn phòng - Không cung cấp chi tiết giá trị giao dịch theo điều khoản Bảo mật thông tin Transaction conducted via an office lease agreement— Transaction value details are not disclosed in accordance with the Confidentiality Clause.	
3.	Quỹ đầu tư trái phiếu ngân hàng Công thương Việt Nam (VTBF) VietinBank Bond Investment				2017		Mua chứng chỉ quỹ/Purchase fund certificates: 50.000.000.000 VND	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No., issuance date, issuance place	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Headquarters address/Contac t	Thời điểm giao dịch với công ty Transaction date	Số Nghị quyết/ Quyết định của Cấp có thẩm quyền thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution/Decision approved by GMS, BOD No. (if any, specifying issuance date)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Transaction content/volume/value of the transaction	Ghi chú Note
	Fund (VTBF)							
4.	Quỹ đầu tư cân bằng VietinBank(V BIF) VietinBank Balanced Investment Fund (VBIF)				2026		Mua chứng chỉ quỹ/Purchase fund certificates: 25.000.000.000 VND	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number..., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
	Toan							
1.2	Nguyễn Thị Tình Ms. Nguyen Thi Tinh		Mẹ đẻ Biological mother			Không/none		
1.3	Đinh Khắc Cao Mr. Dinh Khắc Cao		Bố chồng Father-in-law			Không/none		
1.4	Phạm Thị Mùi Ms. Pham Thi Mui		Mẹ chồng Mother-in-law			Không/none		
1.5	Đinh Khắc Đông Mr. Dinh Khắc Dong		Chồng Husband			Không/none		

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number..., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
1.6	Đình Bùi Tùng Duong Dinh Bui Tung Duong		Con Child			Không/none		
1.7	Đình Bùi Mỹ Linh Dinh Bui My Linh		Con Child			Không/none		
1.8	Bùi Thanh Tùng Mr. Bui Thanh Tung		Anh ruột Elder brother			Không/none		
1.9	Nguyễn Thị Lan Ms. Nguyen Thi Lan		Chị dâu Sister-in-law			Không/none		

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number,,,,, date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
1.10	Bùi Thị Thu Thảo Ms. Bui Thi Thu Thao		Em ruột Younger sister			Không/none		
2	Nguyễn Hồng Đức Mr. Nguyen Hong Duc		Quyền Tổng Giám đốc (từ 15/01/2025 đến 01/10/2025); Acting General Director (Authorized Capital Representative (from 15/01/2025 to 01/10/2025) - Phó Tổng Giám đốc (từ 01/10/2025 đến 31/12/2025) Deputy General Director – Authorized Information			Không/none		

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number, ..., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
			Disclosure Officer (from 01/10/2025 to 31/12/2025)					
2.1	Nguyễn Văn Tôn Mr. Nguyen Van Ton		Bố đẻ Biological father			Không/none		
2.2	Tạ Thị Chanh Ms. Ta Thi Chanh		Mẹ đẻ Biological mother			Không/none		
2.3	Trần Thị Lệ Thúy Ms. Tran Thi Le Thuy		Vợ Wife					
2.4	Nguyễn Quang Mr. Nguyen		Con Child			Không/none		

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number..., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
	Quang Nguyen		Son					
2.5	Nguyễn Khánh Vy Ms. Nguyen Khanh Vy		Con Child Daughter			Không/none		
2.6	Nguyễn Kim Nhung Ms. Nguyen Kim Nhung		Chị gái Elder sister			Không/none		Đã mất Deceased
2.7	Nguyễn Tiến Trung Mr. Nguyen Tien Trung		Em trai Younger brother			Không/none		

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number, date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
2.8	Nguyễn Anh Trung Mr. Nguyen Anh Trung		Anh rể Brother-in-law			Không/none		
2.9	Nguyễn Thùy Linh Ms. Nguyen Thuy Linh		Em dâu Sister-in-law					
2.10	Trần Hữu Phước Mr. Tran Huu Phuoc		Bố vợ Father-in-law			Không/none		Đã mất (Deceased)
2.11	Dương Thị Liễu Ms. Duong Thi Lieu		Mẹ vợ Mother-in-law			Không/none		

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number..., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
3	Đoàn Ngọc Đoan Mr. Doan Ngoc Doan	068C606865 tại VCI; 026CD28857 tại VPS 068C606865 at VCI; 026CD28857 at VPS	Thành viên Hội đồng thành viên công ty Member of the Members' Council			Không/none		
3.1	Đoàn Quang Đạt Mr. Doan Quang Dac		Bố đẻ Biological father			Không/none		(Đã mất) Deceased
3.2	Hoàng Thị Mai Ms. Hoang Thi Mai		Mẹ đẻ Biological mother			Không/none		
3.3	Phạm Xuân Nhận Mr. Pham Xuan Nhan		Bố vợ Father-in-law			Không/none		

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number, date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
3.4	Nguyễn Thị Mơ Ms. Nguyen Thi Mo		Mẹ vợ Mother-in-law			Không/none		
3.5	Phạm Thị Huyền Trang Ms. Pham Thi Huyen Trang	003CS80909 tại SSI; 026C564506 tại VPS 003CS80909 at SSI; 026C564506 at VPS	Vợ Wife			Không/none		
3.6	Đoàn Yến Nhi Ms. Doan Yen Nhi		Con đẻ Biological child			Không/none		
3.7	Đoàn Thị Thu Hương Ms. Doan Thi Thu		Chị ruột Elder sister			Không/none		

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number,..., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
	Investment Joint Stock Company							
4	Phan Hải Sâm Ms. Phan Hai Sam		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director			Không/none		
4.1	Trịnh Hồng Chương Mr. Trinh Hong Chuong		Chồng Husband			Không/none		
4.2	Phan Khắc Cư Mr. Phan Khắc Cu		Bố đẻ Biological father			Không/none		
4.3	Nghiêm Thị Hải Yến Ms. Yến Ms. Nghiem Thi Hai Yen		Mẹ đẻ Biological mother			Không/none		
4.4	Trịnh Quang		Bố chồng			Không/none		(Đã mất)

[Handwritten signature]



STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number..., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
	Mạnh Mr. Trinh Quang Manh		Father-in-law					(Deceased)a ceased
4.5	Vũ Thị Vĩnh Ms. Vu Thi Vinh		Mẹ chồng Mother-in-law			Không/none		
4.6	Trịnh Hải Vân Ms. Trinh Hai Van		Con Child			Không/none		
4.7	Trịnh Minh Khuê Ms. Trinh Minh Khue		Con Child			Không/none		
4.8	Phan Mỹ Nhung Ms. Phan My Nhung		Em gái Younger sister			Không/none		
4.9	Ngô Việt Anh Mr. Ngo Viet Anh		Em rể Brother-in-law			Không/none		
4.10	Quỹ Đầu tư Trái		Người điều hành Quỹ			Không/none		

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number..., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
	phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (VTBF) VietinBank Bond Investment Fund (VTBF)		VTBF Operator of the VTBF fund					
4.11	Công ty cổ phần Đầu tư PV – Inconess PV – Inconess Investment Joint Stock Company		Thành viên Ban kiểm soát Member of the Supervisory Board			Không/none		
4.12	Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả Deo Ca Investment Joint Stock Company		Thành viên Hội đồng quản trị Member of the Board of Directors			Không/none		

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number, ,,,, date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
4.13	Công ty cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cà Khánh HòaDe Deo Ca Khanh Hoa BOT Investment Joint Stock Company		Thành viên Hội đồng quản trị Member of the Board of Directors			Không/none		
5	Trần Mạnh Tiến Mr. Tran Manh Tien		Trưởng Phòng Kế toán Chief Accounting Officer			Không/none		
5.1	Trần Bảo Quỳnh Ms. Tran Bao Quynh		Vợ Wife			Không/none		
5.2	Trần Minh Tân Mr. Tran Minh Tan		Bố đẻ Biological father Father			Không/none		
5.3	Nguyễn Thị Loan		Mẹ đẻ			Không/none		

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number,.,.,. date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
	Mrs. Ms. Nguyen Thi Loan		Biological mother Mother					
5.4	Trần Tiến Phúc Mr. Tran Tien Phuc		Bố vợ Father-in-law			Không/none		
5.5	Phạm Thị Thanh Hằng Mrs. Ms. Pham Thi Thanh Hang		Mẹ vợ Mother-in-law			Không/none		
5.6	Trần Bảo Phương Mr. Tran Bao Phuong		Con Child			Không/none		
5.7	Trần Anh Tuấn Mr. Tran Anh Tuan		Con Child			Không/none		
5.8	Trần Mạnh		Em trai			Không/none		

48

3 - 0
CỘNG
H N
T T
QUẢN
LÂN H
CỘNG
VI
4 T

T.N.A.
HẠN
VIÊN
ỦY
TMCP
NG
M
- T.P.

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Current position at the Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number,..., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
	Xuan	Mr. Nguyen Ngoc Khanh						
6.3	Đinh Văn Độ Mr. Dinh Van Do	Đinh Thị Xuân Ms. Dinh Thi Xuan	Bố chồng Father-in-law			Không/none		(Đã mất) (Passed away) (Deceased)
6.4	Nguyễn Thị Duyên Ms. Nguyen Thi Duyen	Đinh Văn Độ Mr. Dinh Van Do	Mẹ chồng Mother-in-law					(Đã mất) (Passed away) (Deceased)
6.5	Đinh Mạnh Đức Mr. Dinh Manh Duc		Chồng Husband			Không/none		
6.6	Đinh Hoàng Phúc Dinh Hoang Phuc	Đinh Mạnh Đức Mr. Dinh Manh Duc	Con Child			Không/none		
6.7	Đinh Phương Vy		Con			Không/none		

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ Company (if any), relationship	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID number, date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú Note
	Dinh Phương Vy		Child					
6.8	Đinh Khánh Vy Dinh Khanh Vy		Con Child			Không/none		
6.9	Nguyễn Thị Hải Yên Ms. Nguyen Thi Hai Yen		Chị gái Elder sister			Không/none		
6.10	Hoàng Như Anh Mr. Hoang Nhu Anh		Anh rể Brother-in-law			Không/none		
7	Nguyễn Thị Ngọc Lan Ms. Nguyen Thi Ngoc Lan		Trưởng Ban Kiểm soát Head of the Supervisory Board			Không/none		